TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 362/2018/HS-PT
Ngày: 11-7-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 205/2017/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Trần Minh L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 290/2018/QĐPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: Trần Minh L (tên gọi khác: không), sinh năm 1968 tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn 4, xã EB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Th (đã chết) và bà Đậu Thị L1; có vợ là Phan Thị Th1 và có 05, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2016 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh L:

1/ Ông Trần Bá H, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hãng Luật R, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Ông Lê Xuân Anh Ph, là Luật sư của Văn phòng luật sư TN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn Q, là Luật sư của Hãng Luật HY, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt)

4/ Ông Nguyễn Kiều H1, là Luật sư của Hãnh Luật GP, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/ Họ và tên:Nguyễn Văn Ph (tên gọi khác: không), sinh năm 1975 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 79 HBT, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lăk; nơi cư trú: căn số 8, tầng 6, khu B, chung cư HAGL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Giám đốc Phòng giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Th2 (đã chết) và bà Đặng Thị M; có vợ là Trần Phú Xuân L2 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2016 đến ngày 20/10/2016, đang tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáoNguyễn Văn Ph:* Ông Bùi Quang Ng1, là Luật sư của Công ty Luật hợp danh N&C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3/ Họ và tên: Huỳnh Kim Cao Tr (tên gọi khác: không), sinh năm 1978 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn ĐA, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim B và bà Lê Thị Ng; có vợ là Phan Thị Thu Th3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004; bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2016 đến ngày 15/7/2016, đang tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr:* Ông Huỳnh Đ, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoài An, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Xuân A, Huỳnh Thị Cao Th4, Trương Thị L3, Nguyễn Thị T bị xét xử về tội "Đưa hối lộ"; Lãnh Thanh B1 về tội "L dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục L" nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/01/2016, tại quán cà phê GN thuộc thôn TH, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐM bắt quả tang các đối tượng Hồ Đức B2, Võ Ngọc H2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Ngọc Q1, Lương Văn Th5 và Nguyễn Ngọc H4 đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, tang vật thu được trên sòng bạc là 4.090.000 đồng, 01 chén, 01 đĩa và 04 quân vị được cắt ra từ bài tú lơ khơ.

Lực lượng tham gia bắt giữ gồm 10 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có Trung úy Lãnh Thanh B1 (cán bộ thuộc Đội trinh sát Công an huyện ĐM) và Trung úy Trần Thanh H5 (cán bộ thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐM). Chiều ngày 15/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐM ra quyết định tạm giữ hình sự đối với 06 đối tượng trên để phục vụ công tác điều tra.

Cũng trong chiều cùng ngày, Huỳnh Thị Cao Th4 (vợ Võ Ngọc H2) nói cho anh trai là Huỳnh Kim Cao Tr biết việc chồng đã bị Công an huyện ĐM bắt về hành vi đánh bạc và nhờ Tr tìm cách xin tại ngoại cho H2 vì đã gần tết. Tr nghĩ để xin tại ngoại phải cần có quà biếu những người giải quyết vụ án nên nói Th4 chuẩn bị số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, bà Nguyễn Thị T (mẹ Nguyễn Ngọc H4), Trương Thị L3 (vợ Hồ Đức B2) cũng đến nhà Th4. Tại đây, Tr trao đổi với bà T, chị L3 về việc xin tại ngoại cho H2 và nói nếu muốn xin tại ngoại cho H4, B2 thì mỗi người chuẩn bị số tiền 20.000.000 đồng để cùng đi xin, bà T và L3 đồng ý.

Do quen biết từ trước nên Tr gọi điện cho Lãnh Thanh B1 để hỏi tình hình, B1 nói B1 chỉ đi bắt sau đó giao lại cho bên đội điều tra chứ không có thẩm quyền giải quyết. Tr hỏi về thủ tục xin bảo lĩnh thì được B1 hướng dẫn làm đơn, có hai người bảo lĩnh và xác nhận của chính quyền địa phương sau đó nộp cho Điều tra viên. Tr hướng dẫn lại cho bà T, chị L3 để cùng làm thủ tục xác nhận đơn. Do L3 không hiểu biết nên nhờ Nguyễn Xuân A (em con dì của B2) làm đơn xin bảo lĩnh và nói cho A biết là muốn xin bảo lĩnh phải đưa số tiền 20.000.000 đồng mà L3 không có tiền. Khi nghe L3 nói như vậy, A gọi điện thoại cho Lãnh Thanh B1 (là bạn học cấp 3) để hỏi xin bảo lĩnh, B1 nói không giúp được và nói với A liên hệ với người nhà của những bị can khác mà làm.

Thông qua mạng xã hội Facebook, A biết Trần Minh L thiết lập trang cá nhân kêu gọi phòng chống tham nhũng nên lấy số điện thoại gọi cho L để hỏi ý kiến. A nói với L là A có người anh bị bắt vì tội đánh bạc, hiện đang bị tạm giữ ở Công an huyện ĐM và nghe nói Công an đòi mỗi người 20.000.000 đồng thì mới cho tại ngoại và hỏi L nên làm như thế nào, L nói gặp trực tiếp thì L sẽ hướng dẫn cách làm.

Vào các ngày 19 và 20/01/2016, A tiếp tục trao đổi về nội dung như trên thì L hướng dẫn A cứ đưa tiền nhưng phải quay phim và chụp hình để lấy chứng cứ và khi đã có chứng cứ thì họ sẽ phải thả người. L hướng dẫn cho A cách ghi âm, cách đặt điện thoại trong túi áo như thế nào để ghi âm và quay được hình ảnh rõ ràng, đồng thời hướng dẫn A phải hẹn gặp tại quán cà phê chứ không nên đưa trong cơ quan sẽ khó quay phim.

Ngày 21/01/2016, A tiếp tục gọi điện thoại cho L để nói về việc chuẩn bị đưa tiền, L động viên A cứ làm. Qua trao đổi với L và được L hướng dẫn, động viên như vậy nên A quyết tâm thực hiện việc đưa tiền hối lộ để quay phim. Sau khi liên lạc với L, A nói với L3 những nội dung đã trao đổi với L và bảo L3 cứ đi vay 20.000.000 đồng cho A đi với Tr và bà T đưa tiền cho Công an để quay phim lại việc đưa tiền, sau này người vẫn sẽ được thả và sẽ lấy lại được tiền nên L3 đồng ý

và đi vay 20.000.000 đồng đưa cho A. Sau khi có tiền, khoảng 15 giờ cùng ngày A gọi cho Tr nói khi nào đi đưa tiền cho Công an thì cho A biết để đi cùng.

Khoảng 16 giờ ngày 21/01/2016, Tr, A, T trao đổi qua điện thoại và gặp nhau tại quán cà phê GĐ (thị trấn ĐM). Tại đây sau khi trao đổi thống nhất việc đưa tiền, Tr gọi điện cho B1 đến quán cà phê. Đến nơi B1 vào ngồi cùng bàn với Tr, A và T. Lúc này Tr đại diện cho 03 người đặt vấn đề nhờ B1 giúp đỡ cho Hồ Đức B2, Võ Ngọc H2 và Nguyễn Ngọc H4 được tại ngoại và nói gia đình có quà tết cảm ơn anh em. B1 trả lời Y N là Điều tra viên quyết định việc này chứ B1 không có thẩm quyền giải quyết việc tại ngoại hay không, B1 sẽ nói để Y N giúp. A cũng nhờ B1 giúp đỡ để B2 tại ngoại thì B1 trả lời chỗ bạn bè thì B1 sẽ cố gắng. Lúc này A, T đưa đơn bảo lĩnh và tiền cho Tr để đưa cho B1 mỗi người 20.000.000 đồng.

Tr gọi nhân viên quán cà phê xin tờ giấy trắng bọc xung quanh cọc tiền 60.000.000 đồng và nói B1 đưa bịch ni lông màu trắng B1 cầm theo để Tr bỏ tiền vào bịch sau đó đưa lại cho B1. Sau khi đưa tiền, T và A hỏi mai có ra được không thì B1 trả lời là được nhưng phải sau 06 giờ 30 phút vì quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ nhất đến thời điểm đó mới hết. B1 nói chỗ A là bạn bè nên sẽ cố gắng giúp và xin phép về trước. Sau khi nhận số tiền 60.000.000 đồng, B1 cầm về nhà riêng cất giữ. Tối ngày 21/01/2016, B1 gọi cho Y N hỏi về việc xin tại ngoại cho mấy người trong vụ đánh bạc nhưng Y N nói sáng mai lên cơ quan trao đổi cụ thể. Khoảng 7 giờ sáng ngày 22/01/2016, B1 gặp Y N đặt vấn đề nhờ Y N xem xét, giải quyết cho Hồ Đức B2, Võ Ngọc H2 và Nguyễn Ngọc H4 được tại ngoại trong ngày 22/01/2016 nhưng Y N cho biết Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐM đã khởi tố bị can, ra Lệnh tạm giam đối với Hồ Đức B2, Võ Ngọc H2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Ngọc Q1, Lương Văn Th5, Nguyễn Ngọc H4 chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐM đề nghị phê chuẩn, nên khi nào hoàn tất hồ sơ nếu đủ điều kiện tại ngoại Y N sẽ xem xét, tạo điều kiện.

Đối với Nguyễn Xuân A, trong quá trình đưa tiền để nhờ B1 xin cho Hồ Đức B2, Võ Ngọc H2 và Nguyễn Ngọc H4 tại ngoại thì A đã chủ động sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu SamSung và Viettel để quay phim và ghi âm lại toàn bộ diễn biến.

Chiều tối ngày 21/01/2016, A điện thoại báo cho L biết đã thực hiện việc đưa tiền và quay phim, L nói như vậy là tốt rồi, mai L đi ĐG về sẽ gặp A. Đến trưa ngày 22/01/2016, A gặp L tại quán cà phê GĐ, L yêu cầu A đưa các file ghi âm, video cho L. A mượn máy vi tính của quán cà phê chuyển các file ghi âm, video vào USB đưa cho L.

Sau khi xem các file video clip, L nói A phải ghi nhận được rõ số tiền đưa cho B1 là 60.000.000 đồng, đồng thời hướng dẫn A gọi điện thoại cho B1 và ghi âm để khẳng định số tiền Bình nhận là 60.000.000 đồng. Sau khi A chuyển cho L file ghi âm thì L xin A số điện thoại của B1 để liên lạc, đồng thời hướng dẫn A viết đơn gửi cho L để L sửa, nội dung đơn nêu về hành vi tiêu cực của cán bộ Công an huyện ĐM trong quá trình giải quyết vụ án đánh bạc nói trên mà cụ thể là Lãnh Thanh B1.

Sau khi có các file ghi âm, video clip và đơn của A thì L không tố cáo ngay mà dùng các tài liệu này để đe dọa, khống chế, ép buộc B1 phải tác động để Cơ quan điều tra cho B2, H2, H4 tại ngoại và trả tiền lại cho A, Tr và T.

Trong quá trình điều tra vụ án, Lãnh Thanh B1 khai: Sau khi biết được việc B1 nhận 60.000.000 đồng của A, Tr và T để tác động Y N cho người thân của họ được bảo lĩnh, ngoài việc L ép buộc B1 phải tác động đến Y N thì L còn nhiều lần đe dọa sẽ tố cáo hành vi trên của B1 và yêu cầu B1 phải đưa cho L 500.000.000 đồng thì L sẽ bỏ qua không tố cáo B, nên từ ngày 26/01/2016 đến ngày 01/02/2016 B1 đã phải nhiều lần đưa cho L tổng số tiền 220.000.000 đồng và không còn khả năng thực hiện theo yêu cầu của L nữa.

Mặc dù B1 đã nhiều lần xin L bỏ qua nhưng L không đồng ý mà yêu cầu phải đưa đủ 500.000.000 đồng. Trước sự sự đe dọa, thúc ép liên tục của L nên đến ngày 24/02/2016, B1 đã tự báo cáo sự việc B1 nhận số tiền 60.000.000 đồng của A, Tr, T với lãnh đạo Công an huyện ĐM, đồng thời tố cáo hành vi cưỡng đoạt tài sản của L. Tuy nhiên, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh Trần Minh L có hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, mở rộng vụ án còn chứng minh được khoảng tháng 4/2014, Trần Minh L đang thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 4151, tờ bản đồ số 15, diện tích 495 m^2 tại số 7, thôn 4, xã EB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk của gia đình L tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 1,15 tỷ đồng.

Do muốn vay vốn với lãi suất thấp hơn và có thêm tiền để sửa chữa nhà cũng như nộp thuế đất để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSDĐ) đối với thửa đất số 4380 phía sau nhà, L đã lên Phòng giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Phòng giao dịch ĐL) để liên hệ vay vốn.

Tại Phòng giao dịch ĐL, L gặp Nguyễn Đức Tr1 (tổ trưởng tổ tín dụng) và Nguyễn Văn Ph (giám đốc), L cho Ph và Trọng xem bản phô tô GCN QSDĐ đối với thửa đất số 4151, giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh của L đối với công trình xây dựng trên thửa đất, L đề nghị Ph và Tr1 cho L thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của L để vay vốn với số tiền 1,8 tỷ đồng.

Sau khi L đề nghị vay vốn, Ph và Tr1 cùng Nguyễn Văn H6 (cán bộ tín dụng) xuống nhà L để xem xét, đánh giá, thẩm định giá trị tài sản của L. Sau khi thẩm định, Ph yêu cầu Tr1 kiểm tra thông tin vay vốn của L tại Ngân hàng Nhà nước. Kết quả thông tin vay vốn của L giống như L đã cho Ph và Tr1 biết khi liên hệ vay vốn. Ngày 14/5/2014, L nhắn tin cho Ph nội dung "Chú xử lý duyệt anh vay thêm 600, anh chấp nhận chi phí trà nước tổng cộng 150 triệu. Anh cần để xử lý cái bìa đất sau nhà nghỉ thôi vì huyện CK giục anh đóng tiền liên tục. Có gì thông báo anh biết anh xử lý nhé" nhưng Ph nhận, đọc tin nhắn mà không nhắn tin trả lời L.

Ngày 21/4/2014, sau khi được Tr1 thông báo Phòng giao dịch ĐL thống nhất sẽ cho L vay 1,8 tỷ đồng theo đề nghị của L, giải ngân đợt 1 số tiền 1,5 tỷ đồng, tài

sản L thế chấp là thửa đất số 4151 và tài sản trên đất, giải ngân đợt 2 số tiền 300.000.000 đồng sau khi L hoàn tất GCN QSDĐ thế chấp thêm thửa đất số 4380 phía sau nhà L. L lên phòng Ph hỏi về việc tại sao đồng ý cho vay 1,8 tỷ đồng mà lại giải ngân làm hai lần và nói nếu đợt 1 giải ngân 1,5 tỷ chỉ đưa cho Ph 50.000.000 đồng.

Ngày 22/04/2014, L vay của bà Bùi Thị Ngọc T1 số tiền 1,15 tỷ đồng để trả nợ cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh tỉnh Đắk Lắk và đến Phòng giao dịch ĐL làm thủ tục vay vốn. L ký hợp đồng bảo đảm thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản gắn liền trên đất với Phòng giao dịch ĐL, nội dung L thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 4151 để vay vốn tại Phòng giao dịch ĐL, tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ số tiền 1,5 tỷ đồng.

Ngày 23/04/2014, L làm thủ tục xóa thế chấp vay vốn với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh tỉnh Đắk Lắk tại Phòng Tài nguyên và môi trường huyện CK và đến Phòng giao dịch ĐL ký Hợp đồng tín dụng, nội dung thể hiện L vay vốn tại Phòng giao dịch ĐL mức dư nợ vay 1,8 tỷ đồng, bảo đảm tiền vay thực hiện theo Hợp đồng thế chấp giữa L với Phòng giao dịch ĐL. Ký xong Hợp đồng, L xuống quầy kế toán Phòng giao dịch ĐL để hoàn tất thủ tục giải ngân 1,5 tỷ đồng. Trước khi nhận tiền, L đem 50.000.000 đồng lên gặp Ph tại phòng làm việc, L và Ph thống nhất giải ngân đợt 1 số tiền 1,5 tỷ đồng L sẽ đưa trước cho Ph số tiền 50.000.000 đồng, khi L làm xong GCN QSDĐ thửa đất số 4380, L thế chấp cho Phòng giao dịch ĐL và được giải ngân đợt 2 số tiền 300.000.000 đồng thì L sẽ đưa tiếp cho Ph số tiền 100.000.000 đồng. L hỏi Ph về việc có phải chi cho Tr1 và H6 không thì Ph nói lần này cứ đưa cho Tr1 và H 20.000.000 đồng nhưng lần giải ngân sau thì cứ đưa cho Ph cả 100.000.000 đồng, Ph sẽ tự chi cho Tr1 và H. Sau khi thống nhất, L đưa cho Ph số tiền 30.000.000 đồng rồi xuống nhận tiền giải ngân.

Khoảng 18 giờ chiều cùng ngày, L gặp Tr1 tại nhà bà T1, L thông báo cho Tr1 biết việc L đã được giải ngân số tiền 1,5 tỷ đồng và đưa cho Tr1 20.000.000 đồng, nói là tiền cảm ơn. Trong quá trình thỏa thuận đưa tiền cho Ph và Tr1, L đã chủ động ghi âm lại nội dung để sau này ép Ph, Tr1 phải giải ngân và đòi lại tiền, nên khoảng 1 tuần sau khi đưa tiền, L điện thoại cho Tr1 nói về việc L đã ghi âm việc đưa tiền cho Tr1, vì vậy Tr1 đã liên hệ và trả lại 20.000.000 đồng đã nhận cho L.

Ngày 09/6/2014, L gặp PH tại Phòng giao dịch ĐL, đưa cho Ph 01 đĩa CD có nội dung ghi âm việc thỏa thuận và đưa tiền cho Ph, L nói Ph xem nội dung đĩa CD và đề nghị Ph giải ngân đợt 2 cho L. Ngày 10/6/2014, L nói Tr1 lên xem nội dung đĩa CD mà L đưa Ph, sau khi mở đĩa CD thì Ph và Tr1 thấy trong đĩa CD có 02 file ghi âm, trong đó 01 file ghi âm thể hiện việc Ph nhận của L số tiền 30.000.000 đồng, 01 file ghi âm thể hiện Tr1 nhận của L số tiền 20.000.000 đồng.

Do sợ các file ghi âm này bị lộ ra ngoài ảnh hưởng đến uy tín của bản thân nên Ph và Tr1 thống nhất giải ngân đợt 2 số tiền 300.000.000 đồng cho L dù L chưa thế chấp thửa đất số 4380 phía sau nhà L cho Phòng giao dịch ĐL theo yêu cầu ban đầu.

Ngày 12/6/2014, L ký lại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bổ sung, nội dung thể hiện vợ chồng L thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 4151 để vay vốn tại Phòng giao dịch ĐL, tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ số tiền 1,8 tỷ đồng. Sau đó, L xuống quầy kế toán Phòng giao dịch ĐL nhận số tiền giải ngân đợt 2 là 300.000.000 đồng.

Vào lúc 16 giờ 10 phút cùng ngày, L nhắn tin cho Ph "Ph, Anh đang khó khăn về tài chính. Em và chú Tr1 gửi lại anh số tiền 50.000.000 đồng đã lấy của anh. Mai đầu giờ sáng đưa anh. Còn mọi việc xem như ô kê". Sáng ngày 13/06/2014, Ph gặp L tại Phòng giao dịch ĐL và trả lại cho L số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 10/07/2014, L làm đơn phản ánh gửi đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk tố cáo hành vi Ph nhận của L số tiền 30.000.000 đồng. Trước khi gửi đơn L nhắn tin cho Ph biết lịch gặp và làm việc với ông Nguyễn Đình Ch (Giám đốc ngân hàng), nên ngay sau khi L gửi đơn Ph gặp L và đề nghị L rút đơn phản ánh sai phạm của Ph. Ngày 12/7/2014, L làm văn bản gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, đề nghị ngân hàng không xem xét xử lý đối với Ph.

Vào các ngày 06, 07/11/2014, Ph và Tr1 làm đơn tố cáo L sử dụng file ghi âm về việc nhận hối lộ của Ph, Tr1 để đe dọa yêu cầu Ph, Tr1 phải đưa cho L 200.000.000 đồng (mỗi người 100.000.000 đồng) để L bỏ qua không tố cáo hành vi nhận hối lộ của Ph, Tr1. Tr1 cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền ghi ngày 20/6/2014 với nội dung L vay của Tr1 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh Trần Minh L có hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Trần Minh L, Huỳnh Kim Cao Tr, phạm tội "Đưa hối lộ"; bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội "Nhận hối lộ".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 289, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 364, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/3/2016.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 279, các điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáoNguyễn Văn Ph 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 03/6/2016 đến ngày 20/10/2016.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 289, các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 18/3/2016 đến ngày 15/7/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân A, Huỳnh Thị Cao Th4, Trương Thị L3, Nguyễn Thị T và Lãnh Thanh B1; quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2017, bị cáo Trần Minh L kháng cáo 02 nội dung: Đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối lộ ở Phòng giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; kêu oan đối với hành vi đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM.

Ngày 27/7/2017, bị cáo có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo và bổ sung thông tin kháng cáo: Xin miễn trách nhiệm hình sự về hành vi đưa hối lộ ở Phòng giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và tại Công an huyện ĐM.

Ngày 03/4/2017, bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr kháng cáo xin hưởng án treo và ngày 11/4/2017 Trí làm đơn đề nghị được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chuyển sang một loại hình phạt khác nhẹ hơn hoặc giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 04/4/2017, bị cáoNguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Minh L,Nguyễn Văn Ph và Huỳnh Kim Cao Tr đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội, không oan sai và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của bị các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Minh L, Huỳnh Kim Cao Tr về tội "Đưa hối lộ" và bị cáoNguyễn Văn Ph về tội "Nhận hối lộ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt:

1/ Đối với bị cáo Trần Minh L: Bị cáo thực hiện hành vi đưa hối lộ 2 lần. Việc đưa hối lộ tại Phòng giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nhiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nhằm thỏa mãn L ích vật chất (được giải ngân 2 lần). Hành vi đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm. Mặc

dù bị cáo đã chủ động khai báo nhưng không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2/ Đối với bị cáoNguyễn Văn Ph: Bị cáo đã L dụng chức vụ, quyền hạn của mình, nhận tiền của bị cáo L, để giải quyết cho bị cáo L vay tiền, trong khi còn thiếu một số điều kiện nhất định. Do đó việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3/ Đối với bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp với mức độ của hành vi và hậu quả, có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh L tự bào chữa như sau: Bị cáo xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Đưa hối lộ" là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo xin được miễn tránh nhiệm hình sự đối với cả hai lần đưa hối lộ. Bởi vì:

Đối với hành vi đưa hối lộ tại Phòng Giao dịch ĐL, bị cáo đã có đơn tố cáo Ph và Tr1 vào ngày 10/7/2014.

Đối với hành vi đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM, bị cáo đã đăng sự việc lên facebook cá nhân của mình vào ngày 23/02/2016 ngày 26/02/2016 bị cáo đã yêu cầu bị cáo B1 làm đơn xin ra khỏi ngành.

Như vậy, mặc dù cả hai hành vi đưa hối lộ nêu trên chưa bị cơ quan chức năng phát hiện, nhưng bị cáo đã chủ động tố cáo với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, bị cáo xin miễn trách nhiệm hình sự đối với cả hai lần đưa hối lộ.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh L trình bày như sau:

Các Luật sư cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Đưa hối lộ" là đúng người, đúng tội, không oan sai, chỉ xin miễn trách nhiệm hình sự đối với cả hai lần đưa hối lộ. Do đó, các Luật sư chỉ tập trung bào chữa theo hướng này.

Luật sư Trần Bá H: Theo diễn biến sự việc thì bị cáo L phát tán video clip việc Lãnh Thanh B1 nhận tiền lên facebook vào ngày 23/02/1026 và ngày 27/02/2016 chính thức làm đơn tố cáo bị cáo B1. Bị cáo B1 nộp đơn trình báo sự việc với lãnh đão Công an huyện ĐM vào ngày 24/02/2016 nhưng không có tài liệu nào chứng minh đơn trình bào này được nộp đúng ngày 24/02/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc suy đoán có L cho bị cáo, không xem đơn trình báo của bị cáo B1 là chứng cứ.

Luật sư Lê Xuân Anh Ph1: Hành vi đưa hối lộ tại Phòng Giao dịch ĐL chưa xảy ra hậu quả. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Ph là người nhận hối lộ 2 năm 6 tháng tù, trong khi bị cáo L là người đưa hối lộ 4 năm 6 tháng tù.

Luật sư Nguyễn Văn Q: Hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo L là quá nghiêm khắc, chưa làm rõ mỗi hành vi đưa hối lộ của bị cáo tương ứng với bao nhiêu năm tù, mà cộng dồn cả hai hành vi và tuyên 4 năm 6 tháng tù. Diễn biến sự việc cho thấy, trước khi A liên lạc và gặp L thì ý chí của những người nhà của những người bị bắt trong vụ đanh bạc đã muốn bỏ tiền ra để chạy cho những người này được tại ngoại. Tại bút lục số 1223 thể hiện rõ bị cáo L đã tố cáo hành vi của Ph và Tr1 đến Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk trước khi Ph và Tr1 trình báo sự việc.

Luật sư Nguyễn Kiều H1: Bản án sơ thẩm vừa áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 vừa áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1025 để xét xử đối với một hành vi phạm tội là không phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 144. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tình tiết phạm tội nhiều lần, việc nhập vụ án và mức án giữa bị cáo L và bị cáo A.

Từ những phân tích nêu trên, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo L hoặc tuyên phạt bị cáo bằng thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam.

Bị cáoNguyễn Văn Ph tự bào chữa như sau: Bị cáo xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Nhận hối lộ" là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo xác định ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Luật sư Bùi Quang Ng1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ph trình bày như sau: Bị cáo Ph không có hành vi gây khó khăn, nhũng nhiễu mà chính bị cáo L đã chủ động đặt vấn đề vật chất. Bị cáo Ph duyệt cho bị cáo L vay tiền là đúng quy định, vì bị cáo L có tài sản thế chấp, việc giá trị tài sản thế chấp được nâng cao là do thị trường quyết định. Hành vi của bị cáo Ph có dấu hiệu của tội L dụng chức vụ quyền hạn để trục L chứ không phạm tội nhận hối lộ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr tự bào chữa như sau: Bị cáo xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Đưa hối lộ" là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo xác định ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang mắc bệnh viêm đại tràng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Huỳnh Đ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr trình bày như sau: Bị cáo Tr có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Gia đình bị cáo thật sự khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 3 con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Ph:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn Ph là Giám đốc phòng giao dịch ĐL, thuộc Ngân hàng Nông nhiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk, là người có chức vụ quyền hạn, có thẩm quyền kiểm tra, phê duyệt hồ sơ vay vốn của Trần Minh L, đã thỏa thuận nhận tiền của L để giải ngân cho L vay tiền theo yêu cầu L và sẽ bỏ qua một số điều kiện thế chấp theo quy định của Ngân hàng.

Thực tế, Ph đã nhận của Trần Minh L 30.000.000 đồng tiền trà nước để duyệt cho L vay đợt một là 1,5 tỷ đồng; đợt hai là 300.000.000 đồng theo yêu cầu của L. Như vậy, Ph đã L dụng chức vụ và quyền hạn được giao để nhận số tiền 30.000.000 đồng của L.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Nhận hối hộ" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 279 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù. So sánh với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù là nhẹ hơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên phạt bị cáo Phúc 2 năm 6 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Ngân hàng, ảnh hưởng xấu lòng tin của nhân dân và tình hình an ninh, trật tự xã hội, cần phải xử lý nghiêm mới bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là tình hình đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay.

Luật sư của bào chữa cho bị cáo cho rằng, hành vi của bị cáo không phạm tội "Nhận hối lộ" mà có dấu hiệu của tội "L dụng chức vụ quyền hạn để trục L" là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, rõ ràng bị cáo Ph là người có chức vụ, quyền hạn, có quyền quyết định cho hoặc không cho bị cáo L vay tiền. Thực tế là thửa đất 4380 của bị cáo L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa đủ điều kiện để thế chấp theo quy định của pháp luật, nhưng vì trước đó, bị cáo Ph đã nhận 30.000.000 đồng của bị cáo L, để rồi duyệt giải ngân cho bị cáo L 300.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Ph đã phạm tội "Nhận hối lộ" và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Bị cáo Ph kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, chưa xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, chưa áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có chỗ ở ổn định.

Xét thấy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định định tại

điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, như bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; quá trình công tác nhiều năm liền là chiến sĩ thi đua, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen; gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đang nuôi em ruột bị bệnh tâm thần. Do bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Bị cáo yêu cầu áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy, tội phạm về tham nhũng đang bị xã hội lên án, Đảng và Nhà nước ta xác định tội phạm tham nhũng đang là quốc nạn, là giặc nội xâm, đã và đang phát động phong trào đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên toàn quốc, mọi hành vi phạm tội về tham nhũng phải được đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm khắc. Tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã quy định "không được xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các tội phạm mà dư luận xã hội lên án, đặc biệt là các tội phạm về chức vụ, để phục vụ đắc lực cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tham nhũng nói riêng". Việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm về tham nhũng. Do đó, kháng cáo của bị cáo Ph xin được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

2/ Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr:

[1] Các bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr, Nguyễn Xuân A, Huỳnh Thị Cao Th4, Trương Thị L3 và Nguyễn Thị T đưa hối lộ với số tiền 60.000.000 đồng cho Lãnh Thanh B1 và mong muốn người có chức vụ, quyền hạn giải quyết cho người thân phạm tội được tại ngoại. Trí là người trực tiếp, chủ động đưa tiền cho Lãnh Thanh B1, nhờ B1 giúp đỡ cho người thân của Th4, L3, T được tại ngoại.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Đưa hối hộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 13 năm đến 20 năm tù. So sánh với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt cao nhất là 3 năm tù là nhẹ hơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên phạt bị cáo Trí 01 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bản chất hành vi của bị cáo là mua chuộc, dụ dỗ, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, là ảnh hưởng xấu lòng tin của nhân dân và tình hình an ninh, trật tự xã hội, cần phải xử lý nghiêm mới bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là tình hình đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; như bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là phù hợp, không nặng.

Bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr kháng cáo xin được hưởng án treo và sau đó làm đơn đề nghị được miễn trách nhiệm hình sự hoặc chuyển sang một loại hình phạt khác nhẹ hơn hoặc giảm hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, đây là tội phạm về chức vụ, nên cần giữ nguyên mức án mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

3/ Xét kháng cáo của bị cáo Trần Minh L:

a/ Về hành vi đưa hối lộ 30.000.000 đồng tại Phòng giao dịch ĐL, thuộc Ngân hàng Nông nhiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk:

Do L có nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh nên L đã thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng. Quá trình giao dịch, L đã chủ động nhắn tin qua điện thoại di động cho Phúc là nếu được xét duyệt cho vay thêm 600.000.000 đồng thì L chấp nhận chi 150.000.000 đồng tiền trà nước.

Bị cáo là người trực tiếp, chủ động đưa cho Nguyễn Văn Ph số tiền 30.000.000 đồng vì bị cáo biết Ph là người có chức vụ quyền hạn, có thể thực hiện được theo yêu cầu của bị cáo nếu bị cáo đưa tiền.

Việc L chủ động ghi âm, ghi hình khi L đưa cho Ph 30.000.000 đồng, Tr1 20.000.000 đồng là nhằm mục đích gây áp lực để buộc Ph và Tr1 phải tiếp tục giải ngân cho L vay tiền, đồng thời buộc Tr1 và Ph phải trả lại tiền đã nhận hối lộ, sau khi thỏa mãn quyền L về vật chất của mình.

Thực tế, ngay sau khi được giải ngân lần 2 số tiền 300.000.000 đồng, L ngay sau đó đã lấy lại tiền trà nước đã đưa cho Ph và Tr1. Sau khi giải ngân lần 2 ngày 12/6/2014 một thời gian dài ngày 10/7/2014 L mới làm đơn tố cáo hành vi của Ph và Tr1. Như vậy,việc L tố cáo sau khi đã thỏa mãn các L ích vật chất của mình không phải là hành động chống tiêu cực, tham nhũng như lời khai của bị cáo.

b/ Về hành vi đưa hối lộ 60.000.000 đồng tại Công an huyện ĐM:

Khi được A thông tin cho L biết có hiện tượng tiêu cực, đòi tiền của cán bộ Công an huyện ĐM trong việc cho tại ngoại thì L hướng dẫn A thu thập bằng chứng để tố cáo.

L biết rõ mục đích của A là chạy tiền để những người đang bị tạm giam về tội đánh bạc được tại ngoại. Khi có thông tin rằng L3 không có tiền, thì L đã xúi giục, động viên A, để A tiếp tục yêu cầu L3 phải vay tiền để đưa hối lộ, theo L thì sau khi đưa tiền thì người sẽ được thả ra và tiền thì cũng lấy lại được. L cũng biết rõ nhóm của A gồm 3 người, mỗi người phải chạy 20.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng.

Mặc dù L không thu được L ích vật chất hay tinh thần trong việc đưa, nhận tiền, nhưng L biết rõ nội dung của sự việc, mục đích của bên đưa tiền và bên nhận tiền. Bị cáo L không làm đơn tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật này ngay, mà đến ngày 27/02/2016 mới tố cáo. Do đó bị cáo L là đồng phạm với bị cáo A với vai trò người xúi giục, giúp sức trong việc đưa hối lộ 60.000.000 đồng.

Qua hai lần, bị cáo L đã thực hiện hành vi đưa hối lộ tổng cộng 90.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Đưa hối hộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 13 năm đến 20 năm tù. So sánh với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù là nhẹ hơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên phạt bị cáo L 4 năm 6 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm nhập vụ án, xác định bị cáo phạm tội nhiều lần gây bất L cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi chính việc nhập cả hai hành vi đưa hối lộ của bị cáo L để xử lý trong cùng một vụ án là có L cho bị cáo, nếu tách thành hai vụ án sẽ bất L cho bị cáo khi tổng hợp hình phạt. Về ý kiến của Luật sư cho rằng bản án sơ thẩm áp dụng cả Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử cùng một hành vi đưa hối lộ của bị cáo là không đúng với tinh thần của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Bởi vì, hành vi phạm tội của bị cáo L bị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt từ 13 năm đến 20 năm tù. Bản án sơ thẩm đã nhận định, so sánh với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù là nhẹ hơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 và viện dẫn cả điểm a khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng với hướng dẫn tại Công văn số 327/TANDTC-PC ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc viện dẫn các điều khoản có L cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 trong bản án.

Cũng như đối với bị cáo Tr, bản chất hành vi của bị cáo L là mua chuộc, dụ dỗ, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, là ảnh hưởng xấu lòng tin của nhân dân và tình hình an ninh, trật tự xã hội, cần phải xử lý nghiêm mới bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là tình hình đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiện nay.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, như bị cáo không thừa nhận hành vi của mình là phạm tội nhưng bị cáo đã thành khẩn khai báo; cha mẹ và nhiều người thân trong gia đình của bị cáo có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương; bị cáo có nhiều đóng góp hỗ trợ kinh phí tại địa phương, nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo A trong việc đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM, bị cáo A là người chủ mưu nhưng bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo L nặng hơn là không có căn cứ. Bởi vì, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo L theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 (phạm tội 02 lần trở lên), chứ không quyết định hình phạt cho từng hành vi phạm tội và tổng hợp hình phạt.

[3] Ngày 29/3/2017, bị cáo Trần Minh L kháng cáo 02 nội dung: Đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối lộ ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Phòng giao dịch ĐL. Kêu oan đối với hành vi đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM. Ngày 27/7/2017, bị cáo có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo và bổ sung thông tin kháng cáo: Xin miễn trách nhiệm hình sự tội đưa hối lộ trong cả hai hành vi: đưa hối lộ ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phòng giao dịch ĐL và đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn ngày 27/7/2017 đã nêu.

Xét thấy:

Đối với hành vi đưa hối lộ cho bị cáo Ph và Tr1, mặc dù bị cáo không bị ép buộc và đã chủ động tố cáo trước khi bị phát giác, nhưng bị cáo L chỉ tố cáo sau khi đã thỏa mãn các L ích vật chất của mình (tức là sau khi đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay). Do đó không thể miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với hành vi đưa hối lộ tại Công an huyện ĐM, bị cáo tố cáo hành vi của Lãnh Thanh B1 vào ngày 27/02/2016, tuy nhiên trước đó vào ngày 24/02/2016, bị cáo B1 đã tự báo cáo sự việc nhận 60.000.000 đồng với lãnh đạo Công an huyện ĐM. Xét thấy, mặc dù không có tài liệu nào thể hiện bị cáo B1 nộp đơn trình bào sự việc với lãnh đạo Công an huyện ĐM vào ngày 24/02/2016, nhưng trên thực tế cũng như theo quy định của pháp luật, không có quy định nào bắt buộc cán bộ cấp dưới, nộp đơn trình báo một sự việc nào đó với lãnh đạo thì phải có biên nhận. Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng nguyên tắc suy đoán có L cho bị cáo, không xem đơn trình báo của bị cáo B1 nộp ngày 24/02/2016 là chứng cứ là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, việc bị cáo xin miễn trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa hối hộ tại Công an huyện ĐM là không thỏa mãn yếu tố "chủ động khai báo trước khi bị phát giác" theo quy định tại khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất hệ thống, trong một thời gian ngắn, bị cáo liên tục thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, bị truy tố, xét xử với tội phạm hành vi phạm tội nghiêm trọng. Do đó, việc bị cáo xin miễn trách nhiệm hình sự đối với cả 02 hành vi đưa hối hộ tại Phòng Giao dịch ĐL thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk và tại Công an huyện ĐM là không thỏa mãn yếu tố "phạm tội ít nghiêm trọng" được quy định tại khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Minh L, Huỳnh Kim Cao Tr,Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L, Huỳnh Kim Cao Tr, Nguyễn Văn Ph và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1/ Tuyên bố các Trần Minh L, Huỳnh Kim Cao Tr, phạm tội "Đưa hối lộ"; bị cáoNguyễn Văn Ph phạm tội "Nhận hối lộ".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 289 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm đ khoản 2 Điều 364, điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 279 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a khoản 1 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam trước từ ngày 03/6/2016 đến ngày 20/10/2016.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 279 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a khoản 1 Điều 364, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Kim Cao Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam trước từ ngày 18/3/2016 đến ngày 15/7/2016.

2/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Minh L,Nguyễn Văn Ph và Huỳnh Kim Cao Tr, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại TG Công an tỉnh Đắk Nông;
"Để tống đạt cho bị cáo (2));
- BCTN (2);
- Lưu: VP (3), HS (2), 17 b. (ÁN 09)